CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

9. HUYỆN BÌNH LIÊU

I. BANG GIA ĐAT Ơ

A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ: THỊ TRẤN BÌNH LIÊU - ĐÔ THỊ LOẠI V

STT	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M2)
1	Bám mặt đường Quốc lộ18 C đoạn từ cổng Huyện đội đến nhà Ông Hoàng Công Thành	1.500.000
2	Bám mặt đường quốc lộ 18 C đoạn từ nhà Ông Hoàng Công Thành đến Viện kiểm sát	1.500.000
3	Bám mặt đường Quốc lộ18 C đoạn từ nhà Bà Vi Thị An đến nhà Ông Trần Kim Ngọc	1.700.000
4	Bám mặt đường Quốc lộ 18 C đoạn từ nhà Ông Lương Lồng đến đường rẽ vào Trường cấp II, III	1.500.000
5	Dãy nhà xung quanh chợ và dãy ki ốt chợ thị trấn (từ nhà Bà Bùi Thị Vồn đến nhà Ông Lý Mản; từ nhà Ông Tô Xuân Long đến nhà Bà Chu Thị Long; từ nhà Ông Trần Khang đến tiếp giáp nhà Quy Phú) khu Bình Công 1.	1.300.000
6	Đường đối diện cổng chợ đến ngã ba giáp đường đi khu vui chơi thị trấn khu Bình Công 2 (bám mặt đường)	1.300.000
7	Bám mặt đường từ nhà Ông Trịnh Quốc Hưng đến nhà Ông Hoàng Thanh Tâm khu Bình Công 2	1.300.000
8	Bám mặt đường quy hoạch khu dân cư từ nhà Bà Lê Thị Tám đến nhà Bà Hoàng Thị Mai (Khải) Khu Bình Công 2	1.300.000
9	Bám mặt đường khu dân cư Bình Quyền từ nhà Ông Trần Văn Hai đến nhà Ông Ngô Kiên	1.200.000
10	Bám mặt đường từ nhà Ông Hoàng Ngọc Ngò đến phòng Tài chính-KH (cũ) khu Bình Dân	1.300.000
11	Khu quy hoạch dân cư mới đường nội thị Thị trấn Bình Liêu Khu Bình Công 1.	1.300.000
12	Bám mặt đường từ nhà Ông Hoàng Hợp đến nhà Bà Diệp Thị Liều Khu Bình Quyền	1.200.000
13	Bám mặt đường từ nhà Bà Diệp Thị Liều đến nhà Ông Mạ Nguyên Khu Bình Quyền	1.200.000
14	Bám mặt đường từ nhà Ông Lý Đức Phong đến cổng trung tâm y tế khu Bình An	1.100.000
15	Bám mặt đường từ nhà Ông Hoàng Quân đến nhà Ông Lương Quốc Thắng khu Bình Công 2	1.100.000
16	Bám mặt đường từ nhà Ông Hoàng Thế Chương đến cổng Trường tiểu học khu Bình An	1.000.000
17	Bám mặt đường từ tiếp giáp phòng tài chính-KH cũ đến đến nhà Ông Vi Trung Hải khu Bình Đẳng	1.000.000
18	Bám mặt đường từ cổng trung tâm y tế đến sân bay Khu Bình An	700,000
19	Khu dân cư giữa ruộng khu Bình Đẳng	700,000

STT	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M2)
20	Bám mặt đường từ nhà Ông Trần Tú Nghiệp đến nhà Ông Phạm Văn Giao Khu Bình Công 1	700,000
21	Bám mặt đường từ nhà Ông Trần Văn Sắn đến nhà Ông Chu Văn Thắng Khu Bình Công 1	900,000
22	Bám mặt đường từ sau nhà Ông Chu Văn Thắng đến nhà Ông Mã Hồng Thềnh Khu Bình Công 1	900,000
23	Bám mặt đường từ tiếp giáp nhà Ông Mã Hồng Thềnh đến nhà Ông Trần Đồng Khu Bình Công 1	600,000
24	Từ tiếp giáp nhà Ông Trần Đồng đến nhà Bà Lô Thị Sin Khu Bình Công 1	300,000
25	Bám mặt đường từ ngã ba đường rẽ Trường cấp 2, 3 (sau nhà Ông La Tiến Cắm) đến cổng trường cấp 2, 3 thị trấn khu Bình Công 2	400,000
26	Từ nhà Ông Nguyễn Ngọc Hà đến khu tập thể Lâm trường cũ –khu Bình Công 2	700,000
27	Bám mặt đường Quốc lộ 18 C đoạn từ ngã tư đường rẽ cấp 2, 3 đến nghĩa trang liệt sĩ huyện khu Bình Công 2	400,000
28	Bám mặt đường từ nhà Ông Sái Tiến Đường đến sau phòng Tài chính –KH cũ khu Bình Dân	600,000
29	Bám mặt đường Quốc lộ 18 C đoạn từ nhà Ông Lục Thọ Quyền đến đầu cầu Pắc Hoóc khu Bình Quyền	700,000
30	Khu dân cư sau KHHGĐ, Chi cục thuế và kho bạc huyện khu Bình An.	600,000
31	Bám mặt đường từ ngã ba đường rẽ trường đoàn cũ đến nhà Ông Tô Nam khu Bình Công 1	300,000
32	Khu dân cư khu vực Ao thanh niên (khu bình công 2)	400,000
33	Khu dân cư sau ban quản lý dự án công trình Khu Bình Quyền	400,000
34	Bám mặt đường từ tiếp giáp nhà Ông Mạ Nguyên đến nhà Ông Lô Mưu Khu Bình Quyền	400,000
35	Bám mặt đường khu dân cư từ nhà Ông Đặng Minh đến khu tập thể giáo viên trường tiểu học thị trấn khu Bình An	600,000
36	Bám mặt đường đoạn đường từ nhà Ông La Lồng đến nhà Ông Loan Thanh Nghiệp khu Bình An	400,000
37	Đoạn đường từ nhà Bà Nguyễn Thị Minh đến nhà Ông Nông Mằn Ký khu Bình Công 2 (bám mặt đường)	500,000
38	Bám mặt đường đoạn đường từ nhà Ông Hoàng Chiều đến nhà Ông Hoàng Đức Thanh Khu Bình Quyền	600,000
39	Bám mặt đường đoạn đường từ nhà Ông Lý Hữu Thực đến nhà Ông Vi Hải Khu Bình Công I	400,000
40	Bám mặt đường đoạn đường từ nhà Ông Ngô Tiến Sinh đến nhà cộng đồng Khu Bình Quyền	500,000
41	Bám mặt đường đoạn đường từ nhà Ông Đoàn Vang Lừng đến nhà Ông Hoàng Bảo (Thanh) Khu Bình Đẳng	500,000
42	Bám mặt đường đoạn đường từ nhà Ông Trần Chất đến nhà văn hóa Khu Bình Đẳng	500,000

STT	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M2)
43	Các hộ dân cư Khu Bình Quân	250,000
44	Các hộ dân khu vực còn lại	200,000

B. ĐAT Ơ TẠI NONG THON

TT	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M2)
I	XÃ HOÀNH MÔ (XÃ MIỀN NÚI)	
1	Khu vực trung tâm thương mại Hoành Mô	
1.1	Bám mặt đường quốc lộ 18 C từ cứ B2 đến đầu ngầm bưu điện	1.300.000
1.2	Khu dân cư đối diện đồn 23 Hoành Mô	1.200.000
1.3	Khu dân cư sau bưu điện đến nhà ở Ban quản lý cửa khẩu	1.100.000
1.4	Đoạn đường từ sau nhà ở Ban quản lý Cửa khẩu đến nhà ông Trần A Sằn (bám mặt đường)	600,000
1.5	Đường quốc lộ 18 C đoạn từ đầu dốc UBND xã đến giáp cứ B2 (bám mặt đường)	1.000.000
1.6	Khu ba dãy quy hoạch A8	800,000
1.7	Khu dân cư quy hoạch bãi bạch đàn	800,000
1.8	Đoạn đường từ đường rẽ vào trường tiểu học đến đập Hái nạc (bám mặt đường)	600,000
1.9	Đường trục chính cửa khẩu đoạn từ tiếp giáp khu A8 đến đường đi Đồng Văn	700,000
1.10	Đường Hoành Mô-Đồng Văn đoạn từ kéo Nà Kiềng đến cống Tà Coọng	350,000
1.11	Đường Hoành Mô-Đồng Văn đoạn còn lại	200,000
1.12	Các hộ dân còn lại bám QL 18C	350,000
2	Các khu vực còn lại	
2.1	Các hộ bám mặt đường liên xã (bám mặt đường)	35,000
2.2	Các khu vực còn lại	25,000
II	XÃ ĐỒNG VĂN (XÃ MIỀN NÚI)	
1	Khu vực trung tâm	

STT	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M2)
1.1	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ xuống chợ đến đầu ngầm Cốc Lỷ (bám mặt đường)	500,000
1.2	Khu dân cư hai đầu chợ Đồng Văn (đối diện chợ)	400,000
1.3	Khu dân cư chợ cũ đến trường THCS xã (bám mặt đường)	100,000
1.4	Đường từ Nà Làng (km7) đến UBND xã (km8) (bám mặt đường)	200,000
2	Các khu vực còn lại	
2.1	Các hộ dân bám mặt đường liên xã (bám mặt đường)	35,000
2.2	Các khu vực còn lại	25,000
III	XÃ HÚC ĐỘNG (XÃ MIỀN NÚI)	
1	Khu vực trung tâm	
1.1	Bám mặt đường Quốc lộ từ đầu ngầm Nà ếch đến UBND xã	80,000
1.2	Bám mặt đường khu dân cư từ UBND xã đến đầu suối sang Pò Đán	80,000
1.3	Khu dân cư trên đồi truyền hình	60,000
2	Các khu vực khác còn lại	
2.1	Các hộ bám mặt đường liên xã	35,000
2.2	Các khu vực khác còn lại	25,000
IV	XÃ ĐỒNG TÂM (XÃ MIỀN NÚI)	
1	Khu vực trung tâm	
1.1	Đường QL 18 C đoạn từ đầu dốc gần điểm Văn hóa xã đến đầu dốc Đài tưởng niệm (bám mặt đường)	400,000
1.2	Đoạn đường bê tông từ ngã ba Quốc lộ 18C đến đầu đập tràn sang Pắc Pò (bám mặt đường)	150,000
1.3	Khu dân cư sau UBND xã và sau Bưu điện văn hóa xã	100,000
1.4	Các hộ dân còn lại bám QL 18C	200,000
2	Các khu vực còn lại	
2.1	Các hộ bám mặt đường liên xã (bám mặt đường)	35,000
2.2	Các khu vực còn lại	25,000

STT	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M2)
V	XÃ LỤC HỒN (XÃ MIỀN NÚI)	
1	Khu vực trung tâm	
1.1	Đường QL 18 C đoạn từ Đài tưởng niệm đến chợ xã (bám mặt đường)	550,000
1.2	Đường QL 18 C đoạn từ đầu dốc Cốc Bá (Lục Nà) đến Đài tưởng niệm xã (bám mặt đường)	350,000
1.3	Đường QL 18 C đoạn từ chợ xã đến Trạm xã Xã (bám mặt đường)	350,000
1.4	Đường quốc lộ 18C đoạn từ trạm xã Xã đến Ông Hoàng Khởi Thọ (bám mặt đường)	350,000
1.5	Bám đường khu dân cư quy hoạch sau chợ đến đầu dốc Cốc Bá (Lục Nà)	100,000
1.6	Các hộ dân còn lại bám QL 18C	200,000
2	Các khu vực còn lại	
2.1	Các hộ bám mặt đường liên xã (bám mặt đường)	35,000
2.2	Các khu vực còn lại	25,000
VI	XÃ VÔ NGẠI (XÃ MIỀN NÚI)	
1	Khu vực trung tâm	
1.1	Đường QL 18 C đoạn từ bưu điện văn hóa xã đến trường học (bám mặt đường)	400,000
1.2	Đường QL 18 C đoạn từ xưởng mộc Lý Phong đến chân dốc C6 (bám mặt đường)	250,000
1.3	Đoạn đường từ ngã ba QL 18 C đến cầu treo (bám mặt đường)	120,000
1.4	Khu dân cư sau chợ, sau bưu điện văn hóa xã (bám mặt đường)	60,000
1.5	Các hộ dân còn lại bám QL 18C	200,000
2	Các khu vực còn lại	
2.1	Các hộ bám mặt đường liên xã (bám mặt đường)	35,000
2.2	Các khu vực còn lại	25,000
VII	XÃ TÌNH HÚC (XÃ MIỀN NÚI)	
1	Khu vực trung tâm	
1.1	Đường QL 18 C đoạn từ đầu cầu Pắc Hoóc phía Tình Húc đến Đài tưởng niệm xã (áp giá 2 bên đường)	600,000

STT	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ (Đ/M2)
1.2	Đường QL 18 C đoạn từ tiếp giáp Đài tưởng niệm đến điểm Bưu điện Văn hóa xã (bám mặt đường)	350,000
1.3	Các hộ dân còn lại bám QL 18C	200,000
2	Các khu vực còn lại	
2.1	Các hộ bám mặt đường liên xã (bám mặt đường)	35,000
2.2	Các khu vực còn lại	25,000